

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 10/06/2020**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
1	18001021	Huỳnh Trinh	Nhật Anh	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
2	18001061	Vũ Ngọc	Bảo	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
3	18000972	Lưu Thắng	Bình	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
4	18001116	Trần Minh	Đạt	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
5	18000851	Nguyễn Tiến	Đức	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
6	18001022	Nguyễn Thanh	Duy	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
7	18001081	Lê Minh	Hải	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
8	18001149	Triệu Phước	Hậu	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
9	18001123	Hồ Trọng	Hiếu	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
10	18001973	Nguyễn Quang	Khải	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
11	18001101	Nguyễn Ngọc	Lâm	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
12	18000984	Phan Lê Nhất	Lập	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
13	18001112	Nguyễn Đức	Long	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
14	18000925	Tôn Thất	Minh	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
15	18001089	Lê Trọng	Nghĩa	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
16	18001070	Lương Tấn	Phát	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
17	18001100	Trương Thế	Phong	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
18	18001036	Nguyễn Ngọc	Quý	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
19	18000883	Nguyễn Thanh	Tài	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
20	18001079	Phạm Hồng	Tấn	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
21	18000896	Huỳnh Đức	Thành	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
22	18001017	Lê Thanh	Thiên	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
23	18001151	Ngô Đức	Thịnh	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	
24	18000915	Lê Quang	Trường	18T4-CNÔ4	6,642,000	140,000	6,782,000	